

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/DS-PT

Ngày: 03-7-2018.

V/v kiện yêu cầu mở lối đi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Đình Quyền.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLPT-DS ngày 14/3/2018, về việc “Kiện yêu cầu mở lối đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm 01/2018/DS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81a/2018/QĐ-PT ngày 14/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị K - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ H, đường P, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H – Đều có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H:* Ông Phạm Văn N - Luật sư Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

4. *Người làm chứng:*

4. 1. Bà Trần Thị M - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. 2. Ông Tạ Tiến T- Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. 3. Ông Ngô Thanh B - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4.4. Ông Hoàng Quốc V - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ H, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. 5. Ông Trần Văn H- Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ H, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

5. *Người kháng cáo:* Ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lương Thị K trình bày:

Bà Lương Thị K có một lô đất rẫy diện tích 11.300 m², phía Tây tiếp giáp đất ông T, ông T1, tọa lạc tại Đồi Đông Xuân (nay là thôn A, xã K, huyện E) ngày 12/8/2009 được Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 734255 tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 27. Ngày 17/5/2011, bà K đăng ký biến động diện tích từ 11.300 m², diện tích còn lại là 7.971 m². Bà K đi lại bằng con đường có chiều dài 45 mét, chiều rộng 3 mét, nhưng hiện nay ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H đã trồng cà phê trên diện tích đất con đường đi này, làm cho bà K không có đường để đi vào rẫy, con đường đi có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất rẫy bà K, ông T1; Phía Tây giáp đất rẫy ông N và đường đi; Phía Nam giáp đất rẫy ông T; Phía Bắc giáp đất rẫy ông T.

Con đường đi này là con đường mà bà K và các hộ dân khác đi từ năm 1986 cho đến nay, nay bà K yêu cầu ông T, bà H mở lại con đường đi này để bà K đi lại vì ngoài con đường đi này, bà K không còn con đường đi nào khác.

Bị đơn ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H trình bày:

Đầu năm 2007, ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H nhận sang nhượng lại của ông H1 (không rõ họ tên, địa chỉ) 01 lô đất diện tích khoảng 9.000 m², phía Đông tiếp giáp đất bà K, ông T1, tọa lạc tại Đồi Đông Xuân (nay là thôn A), xã K, huyện E đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận sang nhượng lại của ông H1, ông T, bà H canh tác và sử dụng lô đất này từ năm 2007 cho đến nay. Trong thời gian ông T, bà H sử dụng lô đất này thì các hộ dân vẫn đi lại bằng con đường đi giữa rẫy ông T, bà H, để thuận tiện trong việc canh tác và sử dụng đất rẫy, năm 2015 ông T, bà H đã trồng cà phê trên diện tích con đường đi này không cho bà K và các hộ dân khác đi lại. Ông T, bà H cho rằng khi sang

nhượng lại lô đất của ông H1 không có con đường đi nào giữa rẫy, nên việc bà K khởi kiện yêu cầu ông T, bà H mở lại con đường đi có chiều rộng 03 m, chiều dài 45 m ông T, bà H không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 166; 170; 179; 202; 203 Luật đất đai; Điều 245 và Điều 254 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị K. Buộc ông Đinh Văn T, bà Lê Thị H trả lại lối đi chung chiều ngang 02m, dài 44m có diện tích 88m², tọa lạc tại thôn A, xã K, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất rẫy bà K, ông T1 cạnh 02 m; Phía Tây giáp đất rẫy ông N và đường đi cạnh 02 m; Phía Nam giáp đất rẫy ông T (thửa 29) cạnh 44 m; Phía Bắc giáp đất rẫy ông T (thửa 16) cạnh 44 m. Buộc ông T, bà H nhổ bỏ 14 cây cà phê để khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Về chi phí tố tụng: Về chi phí thẩm định, định giá áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc ông Đinh Văn T, bà Lê Thị H phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá. Trả lại cho bà Lương Thị K 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá mà bà K đã nộp, sau khi thu được từ ông T, bà H.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lương Thị K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số AA/2014/0043048 ngày 17/5/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/01/2018, ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm 01/2018/DS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, với lý do: Phía đầu rẫy bà K có con đường đi khác; việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định con đường đang tranh chấp là con đường chung, thuộc đất rẫy của ông bà là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lương Thị K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vợ chồng ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H cho rằng:

Hiện trạng con đường đang tranh chấp không phải là con đường và thuộc quyền sử dụng của ông T, bà H. Trong trường hợp có quy hoạch con đường thì ông T, bà H phải được bồi thường. Theo hiện trạng đất thì ngoài con đường hiện đang tranh chấp, bà K vẫn còn một con đường khác để đi vào rẫy của mình. Căn cứ hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành giải quyết vụ án khi thủ tục hòa giải tại cơ sở có vi phạm về thành phần tham gia hòa giải nên theo quy định của Luật đất đai bà K chưa có đủ điều kiện khởi kiện. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì có đủ căn cứ xác định phần diện tích 88m² đất đang tranh chấp (chiều rộng 02 m, chiều dài 44m) tọa lạc tại thôn A, xã K, huyện E theo kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ, bản đồ tổng thể và sổ mục kê được đo đạc năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã K, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E là con đường đi chung. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, bà H phải trả lại lối đi chung đã lấn chiếm và khôi phục lại tình trạng ban đầu cho bà K là phù hợp và đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. HĐXX nhận thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông T, bà H được nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ, vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bản đồ tổng thể, Sổ mục kê được đo đạc năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã K và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E và lời khai của các người làm chứng đều xác định có lối đi chung qua đất ông T, bà H và bà K sử dụng lối đi này để đi vào đất của mình. Ngoài ra, bà K không có con đường nào khác để đi vào phần đất của mình. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình và phần đất tranh chấp thể hiện: Phần diện tích đang tranh chấp có diện tích 84m² chiều dài 42m; chiều rộng 02 m, tọa lạc tại thôn A, xã K, huyện E, có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất bà K, ông T1 cạnh 02 m (đo từ phía tây sang phía đông là 01 đường thẳng dài 42m); phía Tây giáp đất ông V và đường đi (lấy trụ bê tông, móng hàng rào cạnh dài 02 m hướng từ đất ông V sang); Phía Nam giáp đất ông T (thửa số 29 diện tích 2.050 m²) có cạnh dài 42 m (Từ mép đường vào rẫy bà K dài 42 m); Phía Bắc giáp đất ông T (thửa số 16 diện tích 4.885,4 m²) có cạnh dài 42 m (từ mép trụ bê tông, móng hàng rào ông V vào đất bà K cạnh dài 42 m). Do đó, có đủ cơ sở để xác định có tồn tại lối đi chung có chiều dài 42 m; chiều rộng 02 m và đây là lối đi duy nhất để bà K sử dụng và đi vào rẫy của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của Đinh Văn T và bà Lê Thị H là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.2] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, lối đi chung được xác định như sau: chiều rộng là 02m, chiều dài là 42m, có diện tích là 84m². Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T và bà H trả lại lối đi chung chiều rộng 02m, chiều dài 44m diện tích 88 m² là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm xác định lối đi chung có chiều rộng là 02m, chiều dài là 42m, có diện tích là 84 m² và cần buộc ông T, bà H phải tháo dỡ các cây trồng trên đất để trả lại lối đi chung.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: Ngày 02/5/2018, ông Phạm Văn N là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ lại. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Đinh Văn T, bà Lê Thị H phải chịu 2.000.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng mà ông Phạm Văn N đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (đã thẩm định và chi phí xong).

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 10 Điều 12, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị K.

Buộc ông Đinh Văn T, bà Lê Thị H trả lại lối đi chung chiều rộng 02m, chiều dài 42m có diện tích 84m², tọa lạc tại thôn A, xã K, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà K, ông T1 cạnh 02 m (đo từ phía tây sang phía đông là 01 đường thẳng dài 42m); phía Tây giáp đất ông V và đường đi (lấy trụ bê tông, móng hàng rào cạnh dài 02 m hướng từ đất ông V sang); Phía Nam giáp đất ông T (thửa số 29 diện tích 2.050 m²) có cạnh dài 42 m (Từ mép đường vào rẫy bà K dài 42 m); Phía Bắc giáp đất ông T (thửa số 16 diện tích 4.885,4 m²) có cạnh dài 42 m (từ mép trụ bê tông, móng hàng rào ông V vào đất bà K cạnh dài 42 m). Buộc ông T, bà H nhỏ bỏ 14 cây cà phê để khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Ông Đinh Văn T, bà Lê Thị H phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá. Chấp nhận việc bà Lương Thị K đã nộp 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí thẩm định, định giá. Do vậy, buộc ông Đinh Văn T, bà Lê Thị H phải hoàn trả cho bà Lương Thị K số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí thẩm định, định giá.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H phải chịu 2.000.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm và được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng mà ông Phạm Văn N đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (đã thẩm định và chi phí xong).

*** Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lương Thị K số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0043048 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H, mỗi người phải chịu 300,000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đinh Văn T và bà Lê Thị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000796 ngày 29/01/2018 và số AA/2017/0000797 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án th quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H'leo;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Doãn Đình Quyền